

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 294 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 01/GPMT ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam - Công suất 80.000 tấn/năm” và Văn bản số 02/GPMT ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam về việc chỉnh sửa bổ sung thêm thông tin trong báo cáo cấp giấy phép của dự án “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam - công suất 80.000 tấn/năm”;

Theo đề nghị của Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam, địa chỉ tại Lô C6, Đường N3, Khu công nghiệp (KCN) Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam - Công suất 80.000 tấn/năm” tại Lô C6, Đường N3, KCN Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam - Công suất 80.000 tấn/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C6, Đường N3, KCN Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2110260037 do Ban Quản lý các KCN Bình Dương cấp ngày 25 tháng 10 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 3700728495.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất chất tẩy rửa; chất diệt côn trùng; thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột; sản xuất máy hóa lỏng khí và gas; máy cung cấp gas; sản phẩm diệt muỗi, sản phẩm tạo mùi thơm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích: 14.000 m².



- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Công suất: 80.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**

(từ ngày 09 tháng 11 năm 2022 đến ngày 08 tháng 11 năm 2032).

Điều 4. Giao Tổng cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Sở TN&MT tỉnh Bình Dương;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam;
- Lưu: VT, TCMT, QLCT, Toàn (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 294 /GPMT-BTNMT ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sau xử lý sơ bộ được đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp (KCN) Nam Tân Uyên.

- Đã ký Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên (là chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Nam Tân Uyên và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Tân Uyên).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Các loại nước thải phát sinh, gồm:

- Nguồn số 01: Khu vực văn phòng phát sinh nước thải sinh hoạt (bao gồm: nước đen là nước qua bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước xám là nước không qua bể tự hoại như nước từ bồn rửa, vệ sinh sàn, tắm giặt).

- Nguồn số 02: Khu vực nhà vệ sinh của công nhân phát sinh nước thải sinh hoạt (bao gồm: nước đen, nước xám).

- Nguồn số 03: Hoạt động vệ sinh nhà xưởng.

- Nguồn số 04: Hệ thống xử lý khí thải tại tháp hấp thụ.

- Nguồn số 05: Hoạt động tráng bồn khi thay đổi sản phẩm trên cùng một dây chuyền.

- Nguồn số 06: Phòng thí nghiệm.

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước đen từ nguồn số 01 được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sau đó được nhập cùng nước xám từ nguồn số 01 và tự chảy theo đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước đen từ nguồn số 02 được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sau đó được nhập cùng nước xám từ nguồn số 02 và tự chảy về bể gom nước thải Nhà máy có thể tích khoảng 12 m³, sau đó được bơm qua đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 03, số 04, số 05 và số 06 được thu gom về bể gom nước thải Nhà máy có thể tích khoảng 12 m³, sau đó được bơm qua đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước đen → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Dung tích thiết kế: Bể tự hoại nguồn số 01 có thể tích khoảng 13 m³; bể tự hoại nguồn số 02 có thể tích khoảng 16 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ thu gom → Bể trung gian → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể DAF → Bể MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Nam Tân Uyên.

- Công suất thiết kế: 25m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: HCl, NaOH, Polymer, PAC, Antifoam, NPK, Clo.

- Vị trí đầu nối nước thải: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Tân Uyên.

- Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 1222762; Y = 608508.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00', múi chiều 3°).

- Lưu lượng đầu nối nước thải lớn nhất: 25 m³/ngày.

- Chất lượng nước thải đầu nối: Theo văn bản thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Nam Tân Uyên.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Bảo trì thiết bị máy móc thường xuyên để tránh hỏng hóc máy móc;

- Bố trí cán bộ trực vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung; kiểm soát lưu lượng nước thải để hệ thống được vận hành ổn định;

- Chuẩn bị các bơm, thiết bị sục khí, thiết bị dự phòng khác nhằm thay thế ngay khi thiết bị hư hỏng.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố hư hỏng thiết bị làm ngưng hệ thống bộ phận vận hành sẽ phát còi báo khi có thiết bị gặp sự cố, luôn có sẵn thiết bị để thay thế kịp thời, các bể thu gom đủ sức chứa trong 24 giờ.

Trong trường hợp hệ thống bị sự cố, Nhà máy sẽ tạm ngưng các hoạt động sản xuất có phát sinh nước thải để khắc phục sự cố; đồng thời dừng việc thải nước thải chưa qua xử lý vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nam Tân Uyên.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Không xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức; chỉ được đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Tân Uyên.

3.4. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, đấu nối nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Nước thải ra từ hệ thống điều hòa là nước ngưng tụ từ hơi nước trong không khí, được thu gom vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Nhà máy.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 294 /GPMT-BTNMT ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Dây chuyền sản xuất nước tẩy rửa, vệ sinh nhà tắm (Line Liquid 1), phát sinh khí thải.

- Nguồn số 02: Dây chuyền sản xuất bột vệ sinh hầm cầu (Line Booder 1), phát sinh bụi thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng thải số 01 (đối với nguồn số 01)

2.1.1. Vị trí xả khí thải: tọa độ: X = 1222768; Y = 608528

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°).

2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 7.500 m³/h.

a) Phương thức xả khí thải: Liên tục (24 h).

b) Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (hệ số K_p = 1,0 và K_v = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	HCl	mg/Nm ³	50	Không thuộc đối tượng	

2.2. Dòng thải số 02 (đối với nguồn số 02)

2.2.1. Vị trí xả khí thải: Tọa độ: X = 1222806; Y = 608523 *(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°).*

2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.000 m³/h.

a) Phương thức xả khí thải: Liên tục (24h).

b) Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (hệ số K_p = 1,0 và K_v = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Được thu gom về hệ thống xử lý hơi axit và hóa chất.
- Nguồn số 02: Được thu gom về hệ thống xử lý bụi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý hơi axit và hóa chất (nguồn số 01):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt ly tâm → Tháp hấp thụ hơi axit → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 7.500 m³/h.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, HCl.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi (nguồn số 02):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Quạt hút → Cyclon → Túi lọc bụi → Ống thải.
- Công suất thiết kế: 2.000 m³/h.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Các biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Bảo trì thiết bị máy móc thường xuyên để tránh hỏng hóc máy móc;
- Bố trí cán bộ kiểm tra/thao đổi hằng ngày;
- Chuẩn bị thiết bị dự phòng (motor, bơm,...) để thay thế ngay khi thiết bị hư hỏng.

1.4.2. Các biện pháp ứng phó sự cố:

Trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải bị sự cố, Nhà máy sẽ tạm ngưng các hoạt động sản xuất tại dây chuyền Line Liquid 1 hoặc dây chuyền Line Boder 1 để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất sử dụng để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.3. Đối với các nguồn khí thải khác: Không phải kiểm soát, cụ thể:

- Khí thải từ dây chuyền sản xuất nước hoa xịt phòng, chế phẩm diệt côn trùng (Line gas) không phải kiểm soát do chỉ phát những loại khí thải: Butan (C_4H_{10}), Propan (C_3H_8), Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$), Lemonicols G109 11907 ($C_{12}H_{22}O_2$, $C_{10}H_{20}O$, $C_9H_{14}O$, $C_{16}H_{28}O$, $C_8H_{10}O$, $C_{12}H_{16}O_2$, $C_8H_{16}O_2$, $C_{15}H_{20}O$, $C_9H_{18}O$, $C_{15}H_{28}O_2$, $C_{15}H_{26}O_4$, $C_{13}H_{20}O$, $C_{12}H_{13}N$, $C_{12}H_{24}O$, $C_{12}H_{10}O$, $C_{11}H_{20}O_2$, $C_{10}H_{12}O_2$, $C_{10}H_{16}$, $C_{13}H_{23}N$, $C_{10}H_{14}$), Isopropyl Alcohol (C_3H_8O), Lavender Zen ($C_{10}H_{20}O$, $C_{10}H_{18}O$, $C_{13}H_{18}O_2$, $C_{10}H_{16}O$, $C_{12}H_{16}O_3$, $C_{14}H_{20}O$, $C_9H_{10}O_2$, $C_{10}H_{18}O_3$, $C_9H_6O_2$, $C_{10}H_{12}O_2$, $C_{12}H_{20}O_2$, $C_{13}H_{20}O_2$, $C_{11}H_{12}O_3$, $C_{14}H_{24}O$, $C_9H_{14}O$, $C_{10}H_{20}O$, $C_9H_{10}O$, $C_{14}H_{22}O$, $C_8H_{10}O$), Imiprothrin 50% ($C_{17}H_{22}N_2O_4$), Transfluthrin 93% ($C_{15}H_{12}Cl_2F_4O_2$), Cypermethrin ($C_{22}H_{19}Cl_2NO_3$), d-TETRAMETHRIN ($C_{19}H_{25}NO_4$), Nikkol DID ($C_{12}H_{22}O_4$), Neo-chiozol (C_nH_{2n+2}). Công ty phải đảm bảo không phát sinh các thông số ô nhiễm được quy định tại QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

- Khí thải từ quạt thông gió từ tại các xưởng sản xuất không phải kiểm soát do khí thải phát sinh có cùng tính chất với chất lượng không khí trong xưởng sản xuất. Chất lượng không khí trong xưởng sản xuất phải đảm bảo đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng (lắp đặt tại khu vực riêng biệt bên ngoài nhà xưởng sản xuất) do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo chỉ sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn (nhiên liệu sạch) trong mọi trường hợp.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **294** /GPMТ-BTNMT ngày **09** tháng **11** năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Dây chuyền sản xuất nước lau kính, lau bếp (Line Liquid 02).
- Nguồn số 02: Dây chuyền sản xuất nước lau sàn (Line Liquid 03).
- Nguồn số 03: Dây chuyền sản xuất nước hoa xịt phòng (Line Gas).
- Nguồn số 04: Dây chuyền sản xuất bột vệ sinh hầm cầu (Line Booder 01).
- Nguồn số 05: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

STT	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ đại diện (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°00' múi chiếu 3°)
1	Nguồn số 01	X = 1222787; Y = 608529
2	Nguồn số 02	X = 1222795; Y = 608541
3	Nguồn số 03	X = 1222824; Y = 608624
4	Nguồn số 04	X = 1222805; Y = 608535
5	Nguồn số 05	X = 1222779; Y = 608549

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

- Trồng cây xanh xung quanh Nhà máy;
- Lắp đặt đệm cao su hoặc lò xo chống rung đối với các thiết bị gây rung có công suất lớn;
- Thường xuyên bôi trơn các hệ trục bánh răng của băng tải;
- Áp dụng các biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ;
- Máy phát điện dự phòng đặt tại phòng máy riêng, cách xa khu vực văn phòng;
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung, kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **294** /GPMT-BTNMT ngày **09** tháng **11** năm 2022
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng hoặc bã lọc khác	03 06 07	900
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	03 06 08	9.000
3	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	60
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	60
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng thải không cơ clo	17 02 02	240
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	2.160
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa đảm bảo rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	20.000
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	32.000
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	1.260
10	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	1.200
11	Ắc quy chì thải	19 06 01	120

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (không bao gồm các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu phân loại là TT-R được quản lý như hàng hóa): Không có.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 2,6 tấn/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy, có dán mã chất thải.

2.1.2. Kho lưu giữ trong nhà:

- Diện tích kho: Khoảng 13 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, nền chống thấm, mái che kín nắng, mưa; được thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có gờ chắn, có rãnh thu gom và hồ thu trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ chất thải lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Nhà máy không bố trí thiết bị lưu chứa.

2.2.2. Kho lưu giữ trong nhà:

- Diện tích: Khoảng 67 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, nền chống thấm, mái che kín nắng, mưa, có phân khu vực lưu chứa các loại chất thải khác nhau.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Đã bố trí thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy kín tại các vị trí phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Khu vực lưu giữ ngoài trời: Các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt 250 lít được đặt cạnh kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường trong Nhà máy để tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 294 /GPMT-BTNMT ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 2553/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam - công suất 80.000 tấn/năm” tại Lô C6, đường N3, KCN Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường (nếu có, trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu phân loại là TT-R); chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.

K. T. A.

